



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính: Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 385 6445

Fax: (0254) 385 6444

Website: <http://www.vungtautourist.com.vn>

Email: [info@vungtautourist.com](mailto:info@vungtautourist.com)

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 đồng.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần.

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2022: 186.445.000.000 VND.

Mã chứng khoán: VTG.

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đang hoạt động
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đang hoạt động
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Đang hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tạm ngưng hoạt động từ 31 tháng 12 năm 2019 và đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 đến ngày 24 tháng 3 năm 2024

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ, đồ uống có cồn (rượu, bia), đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà), thuốc lá điều sản xuất trong nước, dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, phòng hát karaoke, massage, vũ trường, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu, dịch vụ du lịch lữ hành trong và ngoài nước, dịch vụ bãi tắm, bãi biển (đi du thuyền), đưa thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay; Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Kinh doanh bãi tắm, bãi biển.

**2. Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	18/04/2019
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên/ Kế toán trưởng	20/10/2017
Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên	18/04/2019

**Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng ban	20/10/2017
Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên	20/10/2017
Bà Vũ Ngọc Linh	Thành viên	20/10/2017

**Ban Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc	08/03/2018

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	03/09/2020

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Để lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



**THÁI HOÀNG THÂN**  
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Số: 179/2023/BCKT-HCM.00768

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Như được nêu tại Thuyết minh 8.2 – Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chưa ghi nhận các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư mà theo chúng tôi là cần được ghi nhận cho phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp, cụ thể:

- Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 91.099.278.151 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư với số tiền là 3.658.061.609 VND cho diện tích sử dụng kinh doanh là 54.171,10 m<sup>2</sup> tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân.
- Đồng thời, Công ty cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018, 2019, 2020 và 2021 lần lượt là 9.374.460.461 VND, 14.302.492.149 VND, 18.639.365.097 VND và 20.606.698.652 VND.

Báo cáo tài chính tổng hợp chưa phản ánh các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng với số tiền là 157.680.356.119 VND. Nếu phản ánh đầy đủ các khoản này vào Báo cáo tài chính tổng hợp thì chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng và giảm tương ứng.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

## Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

Như được nêu tại Thuyết minh 5.11 – Khoản đầu tư vào công ty con - Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong đang kiến nghị khoản truy thu tiền thuê đất theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018, Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các Quyết định số 173/QĐ-TTr và 177/QĐ-TTr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Khu du lịch Nghinh Phong – Khu vực bãi tắm Thủy Vân là 28.397.591.059 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (đoạn Ngã 3 Đài liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh) mà Công ty đang quản lý và sử dụng là 3.582.625.227 VND và khoản tiền thuê đất năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021 chưa được ghi nhận lần lượt là 5.283.594.979 VND, 7.946.978.002 VND, 10.290.158.966 VND và 12.039.743.854 VND. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào công ty con cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.



**TRANG ĐÁC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

**NGUYỄN THỊ THỦY TRANG**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4128-2022-009-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>82.716.903.443</b>	<b>64.875.342.744</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>3.727.562.530</b>	<b>12.151.545.007</b>
Tiền	111		3.727.562.530	8.151.545.007
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>55.203.576.867</b>	<b>24.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	55.203.576.867	24.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>635</b>		<b>6.795.302.826</b>	<b>11.794.983.984</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	22.196.550.446	23.907.263.964
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.420.531.725	1.451.014.225
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	1.050.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	6.986.498.623	7.338.939.892
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(23.808.277.968)	(21.952.234.097)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.8	<b>958.284.889</b>	<b>900.106.500</b>
Hàng tồn kho	141		958.284.889	900.106.500
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.032.176.331</b>	<b>16.028.707.253</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	194.387.567	195.752.846
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.000.000	1.165.643
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	15.831.788.764	15.831.788.764
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>131.482.710.241</b>	<b>137.489.550.979</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	500.000.000	500.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	31.792.393.549	38.179.917.541
Nguyên giá	222		130.360.313.777	131.750.416.799
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.567.920.228)	(93.570.499.258)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.11	<b>98.079.020.310</b>	<b>97.780.634.609</b>
Đầu tư vào công ty con	251		47.664.335.615	47.664.335.615
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.190.000.000	14.190.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		62.967.614.431	62.977.614.431
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.742.929.736)	(27.051.315.437)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.111.296.382</b>	<b>1.028.998.829</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	1.111.296.382	1.028.998.829
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>214.199.613.684</b>	<b>202.364.893.723</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>51.014.781.299</b>	<b>66.300.460.595</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.563.240.036</b>	<b>51.770.919.332</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.233.381.641	2.121.743.412
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	267.944.055	267.206.910
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	25.285.067.727	29.081.159.940
Phải trả người lao động	314		869.566.421	23.849.153
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		239.183.698	528.500.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		60.909.047	66.536.367
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	2.381.848.326	13.709.418.558
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	6.063.308.410	5.810.474.281
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		162.030.711	162.030.711
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.451.541.263</b>	<b>14.529.541.263</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	399.198.650	477.198.650
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	14.052.342.613	14.052.342.613
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>163.184.832.385</b>	<b>136.064.433.128</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>163.184.832.385</b>	<b>136.064.433.128</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(34.498.477.334)	(61.618.876.591)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(61.618.876.591)	(43.049.895.519)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		27.120.399.257	(18.568.981.072)
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>214.199.613.684</b>	<b>202.364.893.723</b>



**NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC**  
Kế toán trưởng



**THÁI HOÀNG THÂN**  
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	<b>48.813.533.564</b>	<b>35.380.498.964</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>48.813.533.564</b>	<b>35.380.498.964</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>26.744.300.176</b>	<b>20.318.593.402</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>22.069.233.388</b>	<b>15.061.905.562</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	19.442.997.729	3.542.149.168
Chi phí tài chính	22	6.4	(13.051.827.701)	8.162.555.019
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	7.136.649.753	8.383.431.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	20.366.049.877	21.708.643.837
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>27.061.359.188</b>	<b>(19.650.576.057)</b>
Thu nhập khác	31	6.7	124.218.041	1.123.442.070
Chi phí khác	32	6.8	65.177.972	41.847.085
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>59.040.069</b>	<b>1.081.594.985</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>27.120.399.257</b>	<b>(18.568.981.072)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>27.120.399.257</b>	<b>(18.568.981.072)</b>

**NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC**  
Người lập biểu

**NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC**  
Kế toán trưởng



**THÁI HOÀNG THÂN**  
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP


(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

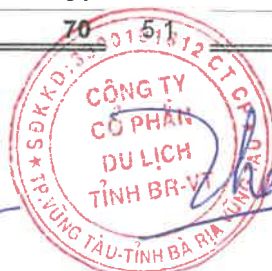
	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		27.120.399.257	(18.568.981.072)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.10	5.957.224.592	6.230.325.718
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	5.7;5.11	(11.452.341.830)	10.658.377.257
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.3	(40.000)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3;6.7	(19.281.419.583)	(4.617.841.371)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.343.822.436	(6.298.119.468)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1.818.264.711	(19.404.218.016)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(58.178.389)	31.187.304
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(5.244.583.425)	10.927.299.932
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(80.932.274)	1.617.316.795
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(30.100.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.221.606.941)</b>	<b>(13.156.633.453)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(85.454.546)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		610.773.800	1.075.692.203
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(82.213.768.648)	(53.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		52.060.191.781	59.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.639.167.082)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.664.865.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.802.072.948	2.975.554.101
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.838.680.335</b>	<b>6.912.079.222</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		252.834.129	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.293.930.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.041.095.871)</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(8.424.022.477)</b>	<b>(6.244.554.231)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>12.151.545.007</b>	<b>18.396.099.238</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		40.000	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>		<b>3.727.562.530</b>	<b>12.151.545.007</b>



**NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC**  
Kế toán trưởng



**THÁI HOÀNG THÂN**  
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2023

# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1.1 Thông tin về Công ty

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ:	186.445.000.000 VND
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500 cổ phần
Vốn thực góp tại ngày 31/12/2021:	186.445.000.000 VND
Mã chứng khoán:	VTG

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn gạo;
- Mua bán cá và thủy sản, mua bán lương thực;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn dụng cụ y tế; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và phế phẩm vệ sinh; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Mua bán thiết bị - dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổ áp, máy phát, dây chì, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômat), máy nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, bán buôn hóa chất dạng nguyên sinh (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông); bán buôn cao su, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Bán buôn hợp nhất;
- Chở khách du lịch bằng xe xích lô;
- Đại lý vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô; Đại lý khai thuế hải quan;
- Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê xe ô tô;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ (trừ kinh doanh quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ);
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước;
- Dịch vụ kinh doanh massage, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu;
- Dịch vụ phòng hát karaoke, kinh doanh vũ trường; Dịch vụ bãi tắm, bãi biển;
- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Mua bán đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà); Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Dịch vụ bãi biển (đi du thuyền);
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động thể thao dưới nước, đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay;
- Dịch vụ giặt là;
- Dịch vụ trang trí phong cảnh;
- Dịch vụ chống mối mọt;

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Dịch vụ sửa chữa – bảo dưỡng trang thiết bị gia dụng, điều hòa không khí;
- In lụa, in Offset, in khắc gỗ, in ống đồng;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, Mua bán giày dép; rèm, màn, ga trải giường, đồ thêu dệt;
- Mua bán xe ô tô (cũ và mới), Mua bán xe tải, rơ moóc, xe đặc chủng, xe địa hình, xe thể thao;
- Mua bán vật liệu xây dựng: cát, đá, sỏi, gạch ngói, xi măng;
- Mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Mua bán xăm lốp xe có động cơ, các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ (ắc quy);
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu; Kinh doanh thiết bị chụp ảnh, tráng phim, tấm kính ảnh, máy quay camera cá nhân;
- Mua bán nông sản thô chưa chế biến (lông động vật, da chưa thuộc, tơ, len thô), nông sản sơ chế (trừ hạt điều, bông vải);
- Mua bán sắt thép xây dựng, tôn và thép lá, khung nhôm, khung đồng;
- Cho thuê áo cưới, phòng cưới, quay phim, chụp ảnh, nhạc cụ;
- Trang trí các buổi biểu diễn, tổ chức sự kiện và hội chợ;
- Cắt tóc, trang điểm;
- Dịch vụ các hoạt động nhiếp ảnh;
- Hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt;
- Dịch vụ quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Sản xuất các loại khăn lạnh, khăn giấy;
- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê, thuê quyền sử dụng đất có hạ tầng để cho thuê lại;
- Dịch vụ vệ sinh nhà ở, công sở, nhà hàng, khách sạn, biệt thự, hồ bơi, cổng rào;
- Vận tải hành khách và khách du lịch bằng ô tô; và
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ áp dụng loại hình dịch vụ này cho: Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Khu du lịch Biển Đông, địa chỉ: 08 Thùy Vân, Phường Thới Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Khách sạn Vũng Tàu – Sammy, địa chỉ: 157 Thùy Vân, Phường Thới Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn và dịch vụ lữ hành.

**1.4 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 102 người (tại ngày 31/12/2021 là 175 người).

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.6 Cấu trúc Công ty**

Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
			%	%	
<b>Công ty con</b>					
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3500736379 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/06/2017	50,07	50,07	Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Ăn uống; Lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển, đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô, trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo may sẵn, đồ thể thao; Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu hỏa cho khách du lịch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Công ty con (tiếp theo)**

Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3502213663 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/09/2019	96,18	96,18	Hoạt động vui chơi, giải trí; Dịch vụ du lịch ngắn ngày; Nhà hàng ăn uống, phục vụ lưu động; Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu ("VTTour")	29 Trần Hưng Đạo, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		100,00	100,00	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế.

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu trong năm 2016. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục giải thể có liên quan.

**Công ty liên kết**

Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3501454916 ngày 28/08/2009	35,00	35,00	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Khách sạn, biệt thự có kinh doanh du lịch, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch.
--	---	-------------------------------	-------	-------	--

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khách sạn Vũng Tàu - Sammy	Số 157 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
	Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định tạm ngưng hoạt động của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh trong năm 2018 và Chi nhánh Vũng Tàu trong năm 2019 do kinh doanh hiệu quả thấp, lỗ liên tiếp nhiều năm.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

##### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

##### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

##### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

###### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

#### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

##### Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**4.5 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp mua lại công ty khác có giá mua cao hơn giá trị sổ sách. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

##### **Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo**

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### **Các chi phí khác**

Các chi phí khác bao gồm: chi phí bảo hiểm, internet được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng đã ký kết.

#### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
- Máy móc và thiết bị	04 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Tài sản cố định khác	03 - 05

#### **4.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

#### **4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **4.12 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### **Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **4.15 Công cụ tài chính**

##### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

##### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.16 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận không được trình bày trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là lĩnh vực du lịch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**4.17 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Công ty con
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	Công ty con
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	436.941.812	715.575.382
Tiền mặt tồn quỹ - USD	2.338.000	2.298.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	3.283.009.456	7.428.398.363
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	5.273.262	5.273.262
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng - VND	-	4.000.000.000
	<b>3.727.562.530</b>	<b>12.151.545.007</b>

Chi tiết số dư tiền và các khoản tương đương tiền có gốc ngoại tệ:

	31/12/2022	01/01/2022
Gốc ngoại tệ - USD	332,20	332,20
Tương đương - VND	7.611.262	7.571.262

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Tiền gửi tiết kiệm từ 03 tháng đến dưới 1 năm</b>		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	20.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Vũng Tàu	-	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Vũng Tàu	33.203.576.867	16.000.000.000
	<b>55.203.576.867</b>	<b>24.000.000.000</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	3.878.297.384	3.878.297.384
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	5.428.508.862	5.428.508.862
Các khách hàng khác	10.315.433.760	12.026.147.278
	<b>22.196.550.446</b>	<b>23.907.263.964</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

<b>5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
		VND	VND
<i>Trả trước cho nhà cung cấp khác</i>			
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn		964.454.130	964.454.130
Công ty TNHH TMDV Chinh Phong		176.542.459	176.542.459
Công ty TNHH XD - DV - TM - DL Long Thái Hà		168.181.818	168.181.818
Các nhà cung cấp khác		111.353.318	141.835.818
		<b>1.420.531.725</b>	<b>1.451.014.225</b>
<b>5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
		VND	VND
<i>Phải thu bên liên quan</i>			
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong		-	1.050.000.000
		-	<b>1.050.000.000</b>
<b>5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác</b>			
<b>5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác</b>			
	<b>Giá trị VND</b>	<b>31/12/2022 Dự phòng VND</b>	<b>01/01/2022 Dự phòng VND</b>
<i>Phải thu bên liên quan</i>			
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong - lãi cho vay	-	-	459.329.454
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm - ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-	10.425.000
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>			
Tạm ứng cho nhân viên	1.730.270.685	(1.195.270.685)	1.789.770.685
Lãi dự thu	1.327.356.167	-	222.684.932
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	100.934.113
BHXH nộp thừa	23.399.233	-	22.398.428
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	115.769.425	-	1.031.649.425
Phải thu khác	3.779.278.113	(2.953.665.905)	(2.953.665.905)
	<b>6.986.498.623</b>	<b>(4.148.936.590)</b>	<b>7.338.939.892</b>
			<b>(4.156.936.590)</b>
<b>5.6.2 Phải thu dài hạn khác</b>			
	<b>Giá trị VND</b>	<b>31/12/2022 Dự phòng VND</b>	<b>01/01/2022 Dự phòng VND</b>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	500.000.000	-	500.000.000
	<b>500.000.000</b>	-	<b>500.000.000</b>
<b>5.7 Nợ xấu</b>			
		<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
		VND	VND
Dự phòng cho phải thu khách hàng khó đòi		18.292.344.153	16.596.482.100
Dự phòng cho phải thu ngắn hạn khác		4.148.936.590	4.156.936.590
Dự phòng cho các khoản trả trước người bán		1.366.997.225	1.198.815.407
		<b>23.808.277.968</b>	<b>21.952.234.097</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Nợ xấu (tiếp theo)**

	Thời gian quá hạn	31/12/2022		Thời gian quá hạn	01/01/2022	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>19.826.804.224</b>	<b>(18.292.344.153)</b>		<b>19.837.554.224</b>	<b>(16.596.482.100)</b>
<i>Bên liên quan</i>						
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Trên 3 năm	107.732.930	(107.732.930)	Trên 3 năm	107.732.930	(107.732.930)
<i>Các đối tượng khác</i>						
Công ty TNHH TM DV KT Điện Thành Công	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)
Công ty TNHH Hoàng Trung	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)
Công ty TNHH Thiện Trân	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	1 - 3 năm	5.428.508.862	(3.907.946.191)	1 - 2 năm	5.428.508.862	(2.295.979.088)
Các khách hàng khác		4.681.909.181	(4.668.011.781)		4.692.659.181	(4.584.116.831)
<b>Phải thu khác</b>		<b>4.148.936.590</b>	<b>(4.148.936.590)</b>		<b>4.156.936.590</b>	<b>(4.156.936.590)</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>1.366.997.225</b>	<b>(1.366.997.225)</b>		<b>1.198.815.407</b>	<b>(1.198.815.407)</b>
		<b>25.342.738.039</b>	<b>(23.808.277.968)</b>		<b>25.193.306.221</b>	<b>(21.952.234.097)</b>

**Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi**

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	21.952.234.097	19.456.411.859
Trích lập trong năm	1.869.418.871	2.506.722.238
Hoàn nhập trong năm	(13.375.000)	(10.900.000)
Số dư cuối năm	<b>23.808.277.968</b>	<b>21.952.234.097</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	454.513.770	-	253.914.481	-
Công cụ, dụng cụ	160.535.202	-	232.992.777	-
Hàng hóa	343.235.917	-	413.199.242	-
	<b>958.284.889</b>	<b>-</b>	<b>900.106.500</b>	<b>-</b>

**5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	73.965.253	109.471.740
Chi phí sửa chữa	81.481.247	43.397.726
Chi phí khác	38.941.067	42.883.380
	<b>194.387.567</b>	<b>195.752.846</b>

**5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	318.070.805	310.712.202
Chi phí công cụ, dụng cụ	448.770.919	443.364.407
Chi phí khác	344.454.658	274.922.220
	<b>1.111.296.382</b>	<b>1.028.998.829</b>

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2022	116.625.679.746	9.140.000.490	4.254.470.422	642.394.833	1.087.871.308	131.750.416.799
Mua sắm trong năm	-	85.454.546	-	-	-	85.454.546
Thanh lý trong năm	(1.426.835.600)	-	(48.721.968)	-	-	(1.475.557.568)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>115.198.844.146</b>	<b>9.225.455.036</b>	<b>4.205.748.454</b>	<b>642.394.833</b>	<b>1.087.871.308</b>	<b>130.360.313.777</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2022	80.354.756.742	8.166.398.214	3.341.149.719	620.323.275	1.087.871.308	93.570.499.258
Khấu hao trong năm	5.275.521.975	411.145.487	259.866.222	10.690.908	-	5.957.224.592
Thanh lý trong năm	(911.081.654)	-	(48.721.968)	-	-	(959.803.622)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>84.719.197.063</b>	<b>8.577.543.701</b>	<b>3.552.293.973</b>	<b>631.014.183</b>	<b>1.087.871.308</b>	<b>98.567.920.228</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2022	36.270.923.004	973.602.276	913.320.703	22.071.558	-	38.179.917.541
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>30.479.647.083</b>	<b>647.911.335</b>	<b>653.454.481</b>	<b>11.380.650</b>	<b>-</b>	<b>31.792.393.549</b>

Trong đó:

*Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng*

Tại ngày 01/01/2022	11.777.222.498	5.249.337.309	1.787.953.000	588.940.287	1.087.871.308	<b>20.491.324.402</b>
Tại ngày 31/12/2022	12.783.598.599	5.432.218.218	1.787.953.000	588.940.287	1.087.871.308	<b>21.680.581.412</b>

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2022		01/01/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>					
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	[a] 9.868.495.615	-	(*) 9.868.495.615	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	[b] 37.795.840.000	(3.318.359.908)	(*) 37.795.840.000	(6.281.663.352)	(*)
	<b>47.664.335.615</b>	<b>(3.318.359.908)</b>	<b>47.664.335.615</b>	<b>(6.281.663.352)</b>	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	-	-	(*) 13.000.000.000	(632.723.795)	(*)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	[c] 1.190.000.000	(1.190.000.000)	(*) 1.190.000.000	(1.190.000.000)	(*)
	<b>1.190.000.000</b>	<b>(1.190.000.000)</b>	<b>14.190.000.000</b>	<b>(1.822.723.795)</b>	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>					
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	[d] 13.000.000.000	(1.434.782.561)	(*) 13.000.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	28.602.790.000	-	(*) 28.602.790.000	-	(*)
Công ty cổ phần Lạc Việt	-	-	(*) 13.000.000.000	(10.786.319.071)	(*)
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	9.390.560.000	-	(*) 9.390.560.000	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	(337.425.568)	(*) 3.468.701.654	(745.753.757)	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	[f] 2.784.000.000	(2.784.000.000)	(*) 2.784.000.000	(2.784.000.000)	(*)
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí	1.169.190.000	(1.169.190.000)	(*) 1.169.190.000	(1.169.190.000)	(*)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	800.000.000	(800.000.000)	(*) 800.000.000	(800.000.000)	(*)
Công ty cổ phần San Hồ Xanh Côn Đảo	800.000.000	(34.619.319)	(*) 800.000.000	(30.169.025)	(*)
Công ty cổ phần Du lịch An Hoa	500.000.000	(222.179.603)	(*) 500.000.000	(179.123.660)	(*)
Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh	-	-	(*) 10.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	(2.452.372.777)	(*) 2.452.372.777	(2.452.372.777)	(*)
	<b>62.967.614.431</b>	<b>(9.234.569.828)</b>	<b>62.977.614.431</b>	<b>(18.946.928.290)</b>	
	<b>111.821.950.046</b>	<b>(13.742.929.736)</b>	<b>124.831.950.046</b>	<b>(27.051.315.437)</b>	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính trên do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

*Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn*

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	27.051.315.437	16.436.387.641
Trích lập trong năm	2.069.529.925	8.162.555.019
Hoàn nhập trong năm	(15.377.915.626)	-
Phân loại lại từ chứng khoán kinh doanh	-	2.452.372.777
Số dư cuối năm	<b>13.742.929.736</b>	<b>27.051.315.437</b>

**Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:**

- [a] Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500736379 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 15.380.000.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 7.700.000.000 VND, tương đương 50,07% vốn điều lệ.
- [b] Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502213663 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 9 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 39.295.840.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 37.795.840.000 VND, tương đương 96,18% vốn điều lệ.

Theo báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận khoản truy thu tiền thuê đất theo Kết luận Thanh tra số 261/QĐ-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018, Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các Quyết định số 173/QĐ-TTr và 177/QĐ-TTr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Khu du lịch Nghinh Phong – Khu vực bãi tắm Thùy Vân là 28.397.591.059 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (đoạn Ngã 3 Đài liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh) mà công ty đang quản lý và sử dụng là 3.582.625.227 VND; và khoản tiền thuê đất năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021 chưa được ghi nhận lần lượt là 5.283.594.979 VND, 7.946.978.002 VND, 10.290.158.966 VND và 12.039.743.854 VND.

Theo đó, Công ty chỉ trích lập dự phòng đầu tư tài chính theo báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa bao gồm các khoản truy thu và các thông báo tạm nộp tiền thuê đất nêu trên.

Theo quyết định số 7024/QĐ-CTBRV ngày 28/07/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn GTGT, do đó Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong ngưng hoạt động kinh doanh bắt đầu từ ngày 01/08/2022 theo thông báo số 25/TB-DLNP ngày 31/07/2022.

- [c] Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501454916 ngày 28 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 6023/UBND-VP ngày 02/08/2016 về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương cho Công ty cổ phần Giải trí Minh Đạm đầu tư Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- [d] Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500770108 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 7 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 350.000.000.000 VND. Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vốn góp của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại ngày 31/12/2022 là 13.000.000.000 VND tương ứng với 3,71% vốn điều lệ.
- [e] Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 10/06/2020 và Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 29/10/2020, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Lạc Việt cho ông Nguyễn Duy theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 10/HĐMBTSDG-CPDL ngày 22/06/2022.
- [f] Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500613923 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 1114/UBND-VP ngày 02/06/2014 về việc thu hồi 152.619,5m<sup>2</sup> đất cho Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

**Công ty có các cam kết góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày 31/12/2022:**

	Vốn điều lệ của Công ty nhận đầu tư VND	Vốn cam kết VND	Tình hình góp vốn của Công ty	
			Vốn đã góp đến 31/12/2022 VND	Vốn chưa góp đến 31/12/2022 VND
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
<b>Đầu tư góp vốn khác</b>				
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá trị VND	31/12/2022	Giá trị VND	01/01/2022
		Số có khả năng trả nợ VND		Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các đối tượng khác</b>				
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Thiết bị Kỹ thuật Thành Đạt	158.556.000	158.556.000	-	-
Công ty cổ phần Hàn Việt	135.496.800	135.496.800	53.526.000	53.526.000
Các khách hàng khác	939.328.841	939.328.841	2.068.217.412	2.068.217.412
	<b>1.233.381.641</b>	<b>1.233.381.641</b>	<b>2.121.743.412</b>	<b>2.121.743.412</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Các đối tượng khác</b>		
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Tam Kỳ	24.800.000	-
Các khách hàng khác	243.144.055	267.206.910
	<b>267.944.055</b>	<b>267.206.910</b>

**5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông - Tiền thuê đất	21.642.100	21.642.100
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm - Thuế GTGT	15.195.727	15.195.727
<b>Các đối tượng khác</b>		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	77.571.789	83.101.321
Cổ tức phải trả (năm 2011)	38.461.800	10.332.391.800
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	630.850.000	1.121.850.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.598.126.910	2.135.237.610
	<b>2.381.848.326</b>	<b>13.709.418.558</b>

**5.14.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>		
Sở Tài Chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Tạm ứng vốn kinh doanh	249.800	249.800
<b>Các đối tượng khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	398.948.850	476.948.850
	<b>399.198.650</b>	<b>477.198.650</b>

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022		Số phát sinh trong năm		31/12/2022	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	330.575.083	3.120.488.922	(3.416.347.334)	-	34.716.671
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.214.311	-	-	-	3.214.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	308.146.087	-	-	-	308.146.087	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.665.882	204.911.786	(199.756.529)	-	19.821.139
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	19.159.461.353	9.573.095.086	(15.523.642.677)	15.523.642.677	28.732.556.439
(i.a)	-	28.732.556.439	9.145.498.732	(12.705.855.102)	-	25.172.200.069
(i.b)	15.523.642.677	-	-	-	15.523.642.677	-
Các loại thuế khác	-	148.225	85.633.193	(30.665.881)	-	55.115.537
· Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	52.896.435	-	-	52.896.435
· Thuế khác	-	148.225	25.736.758	(23.665.881)	-	2.219.102
· Phí môn bài	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
	<b>15.831.788.764</b>	<b>29.081.159.940</b>	<b>12.556.532.633</b>	<b>(16.352.624.846)</b>	<b>15.831.788.764</b>	<b>25.285.067.727</b>

**Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)**

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong nước của Công ty là 8%-10%.

**Thuế nhà đất, tiền thuế đất**

(i.a) Chi tiết tiền thuế đất, tiền thuế cơ sở hạ tầng (Xem thuyết minh số 8.2)

Trong năm, Công ty ghi nhận chi phí tiền thuế đất tại lô bãi tắm Thùy Vân số tiền 2.945.618.760 VND.

(i.b) Năm 2021, Công ty bị cưỡng chế từ tài khoản tiền gửi ngân hàng số tiền 15.523.642.677 VND theo Quyết định số 2734/QĐ-CCTKV, 2735/QĐ-CCTKV, 2736/QĐ-CCTKV, 2737/QĐ-CCTKV ngày 12/04/2021 của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo.

**Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế; do đó, số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)****Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được dự tính như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.120.399.257	(18.568.981.072)
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế		
Chi phí không được trừ	2.944.834.770	372.372.442
Thu nhập được miễn thuế	(530.636.000)	(1.831.760.000)
Chuyển lỗ	(29.534.598.027)	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>(20.028.368.630)</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	Giá trị	31/12/2022 Số có khả năng trả nợ	Giá trị	01/01/2022 Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>				
<b>Vay bên liên quan</b>				
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	6.063.308.410	6.063.308.410	5.810.474.281	5.810.474.281
	<b>6.063.308.410</b>	<b>6.063.308.410</b>	<b>5.810.474.281</b>	<b>5.810.474.281</b>
<b>5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613
	<b>14.052.342.613</b>	<b>14.052.342.613</b>	<b>14.052.342.613</b>	<b>14.052.342.613</b>

**Vay ngắn hạn - Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân****(a) Hợp đồng vay ngày 20/12/2017:**

Mục đích:	Bổ sung vốn hoạt động.
Số tiền vay:	5.023.136.704 VND.
Thời hạn vay:	Khi nhận được thông báo hoàn trả theo nhu cầu đầu tư của bên cho vay và gửi thông báo trước 01 tháng.
Lãi suất vay:	0,0%/năm.

**(b) Hợp đồng vay số 10/2020/HĐCV.DLVT ngày 31/12/2020:**

Mục đích:	Bổ sung vốn hoạt động.
Số tiền vay:	787.337.577 VND.
Thời hạn vay:	Khi nhận được thông báo hoàn trả theo nhu cầu đầu tư của bên cho vay và gửi thông báo trước 01 tháng.
Lãi suất vay:	0,0%/năm.

**(c) Hợp đồng vay số 02/2022/HĐCV.DLVT ngày 30/06/2022:**

Mục đích:	Bổ sung vốn hoạt động.
Số tiền vay:	80.104.031 VND.
Thời hạn vay:	Khi nhận được thông báo hoàn trả theo nhu cầu đầu tư của bên cho vay và gửi thông báo trước 01 tháng.
Lãi suất vay:	0,0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

(d) Hợp đồng vay số 10/2022/HĐCV.DLVT ngày 31/12/2022:

Mục đích:	Bổ sung vốn hoạt động.
Số tiền vay:	172.730.098 VND.
Thời hạn vay:	Khi nhận được thông báo hoàn trả theo nhu cầu đầu tư của bên cho vay và gửi thông báo trước 01 tháng.
Lãi suất vay:	0,0%/năm.

**Vay dài hạn - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Khoản vay phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoan nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn trong năm:

	01/01/2022 VND	Vay trong năm VND	Thanh toán VND	31/12/2022 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	5.810.474.281	252.834.129	-	6.063.308.410
	<b>5.810.474.281</b>	<b>252.834.129</b>	-	<b>6.063.308.410</b>
<b>Vay dài hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613
	<b>14.052.342.613</b>	-	-	<b>14.052.342.613</b>

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**5.17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ đầu tư VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	186.445.000.000	11.238.309.719	(43.049.895.519)	154.633.414.200
Lỗ trong năm	-	-	(18.568.981.072)	(18.568.981.072)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>186.445.000.000</b>	<b>11.238.309.719</b>	<b>(61.618.876.591)</b>	<b>136.064.433.128</b>
Tại ngày 01/01/2022	186.445.000.000	11.238.309.719	(61.618.876.591)	136.064.433.128
Lãi trong năm	-	-	27.120.399.257	27.120.399.257
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>186.445.000.000</b>	<b>11.238.309.719</b>	<b>(34.498.477.334)</b>	<b>163.184.832.385</b>

**5.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp:

Vốn điều lệ:	186.445.000.000 VND
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500 cổ phần

Cổ đông	Số cổ phần	31/12/2022		01/01/2022	
		Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Số tiền (VND) Tỷ lệ (%)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	10.978.400	109.784.000.000	58,88	10.978.400	109.784.000.000 58,88
Các cổ đông khác	7.666.100	76.661.000.000	41,12	7.666.100	76.661.000.000 41,12
	<b>18.644.500</b>	<b>186.445.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>18.644.500</b>	<b>186.445.000.000 100,00</b>

**5.17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	2022 VND	2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	186.445.000.000	186.445.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<b>186.445.000.000</b>	<b>186.445.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.17.4 Cổ phiếu	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.644.500</i>	<i>18.644.500</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.644.500</i>	<i>18.644.500</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu</i>		
<b>5.18 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp</b>		
<b>Ngoại tệ các loại</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Dollar Mỹ (USD)	332,20	332,20
<b>6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP</b>		
<b>6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí...	46.489.158.890	35.144.148.313
Doanh thu dịch vụ lữ hành	2.324.374.674	236.350.651
	<b>48.813.533.564</b>	<b>35.380.498.964</b>
<b>6.2 Giá vốn hàng bán</b>	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí...	24.235.887.612	19.739.988.371
Giá vốn dịch vụ lữ hành	2.508.412.564	578.605.031
	<b>26.744.300.176</b>	<b>20.318.593.402</b>
<b>6.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.996.669.962	1.678.889.168
Lãi cho vay	4.228.767	31.500.000
Lãi chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	10.381.423.000	-
Lãi chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cổ phần Lạc Việt	5.530.000.000	-
Cổ tức được chia	530.636.000	1.831.760.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	40.000	-
	<b>19.442.997.729</b>	<b>3.542.149.168</b>
<b>6.4 Chi phí tài chính</b>	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cổ phần Lạc Việt	226.558.000	-
Chi phí chuyển nhượng chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	30.000.000	-
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	(13.308.385.701)	8.162.555.019
	<b>(13.051.827.701)</b>	<b>8.162.555.019</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**6.5 Chi phí bán hàng**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.536.930.148	3.791.408.414
Chi phí khấu hao	1.609.668.267	1.666.575.628
Chi phí khác	2.990.051.338	2.925.447.889
	<b>7.136.649.753</b>	<b>8.383.431.931</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	10.235.839.683	9.145.289.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.030.030.025	1.091.311.296
Chi phí tiền thuê đất	4.794.776.391	5.346.770.336
Chi phí khác	4.305.403.778	6.125.272.820
	<b>20.366.049.877</b>	<b>21.708.643.837</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	2022	2021
	VND	VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	95.019.854	1.069.328.567
Thu nhập khác	29.198.187	54.113.503
	<b>124.218.041</b>	<b>1.123.442.070</b>

**6.8 Chi phí khác**

	2022	2021
	VND	VND
Phạt thuế, vi phạm hành chính	51.495.165	18.937
Chi phí khác	13.682.807	41.828.148
	<b>65.177.972</b>	<b>41.847.085</b>

**6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.718.875.504	5.240.975.224
Chi phí nhân viên	15.696.826.790	15.723.457.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.957.224.592	6.230.325.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.034.698.508	13.367.038.994
Chi phí khác	6.839.374.412	9.848.872.123
	<b>54.246.999.806</b>	<b>50.410.669.170</b>

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 7.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có các loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### **Rủi ro về lãi suất**

Công ty quản lý rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

##### **Rủi ro về giá chứng khoán**

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

##### **Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

#### 7.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

##### **Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

##### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**7.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản nợ gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Phải trả người bán	1.233.381.641	-	-	1.233.381.641
Các khoản vay	6.063.308.410	-	14.052.342.613	20.115.651.023
Phải trả khác, chi phí phải trả	2.543.460.235	399.198.650	-	2.942.658.885
	<b>9.840.150.286</b>	<b>399.198.650</b>	<b>14.052.342.613</b>	<b>24.291.691.549</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Phải trả người bán	2.121.743.412	-	-	2.121.743.412
Các khoản vay	5.810.474.281	-	14.052.342.613	19.862.816.894
Phải trả khác, chi phí phải trả	14.154.817.237	477.198.650	-	14.632.015.887
	<b>22.087.034.930</b>	<b>477.198.650</b>	<b>14.052.342.613</b>	<b>36.616.576.193</b>

**Giá trị hợp lý**

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	31/12/2022 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2022 VND	31/12/2022 VND	Giá trị hợp lý 01/01/2022 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<b>Các khoản phải thu</b>				
Phải thu khách hàng	3.904.206.293	7.310.781.864	3.904.206.293	7.310.781.864
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.050.000.000	-	1.050.000.000
Phải thu khác	2.779.162.800	3.073.104.874	2.779.162.800	3.073.104.874
Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	55.203.576.867	24.000.000.000	55.203.576.867	24.000.000.000
Đầu tư góp vốn đơn vị khác	53.733.044.603	44.030.686.141	53.733.044.603	44.030.686.141
<b>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.727.562.530	12.151.545.007	3.727.562.530	12.151.545.007
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
	<b>119.347.553.093</b>	<b>91.616.117.886</b>	<b>119.347.553.093</b>	<b>91.616.117.886</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</b>				
Phải trả người bán	1.233.381.641	2.121.743.412	1.233.381.641	2.121.743.412
Các khoản vay	20.115.651.023	19.862.816.894	20.115.651.023	19.862.816.894
Phải trả khác, chi phí phải	2.942.658.885	14.632.015.887	2.942.658.885	14.632.015.887
	<b>24.291.691.549</b>	<b>36.616.576.193</b>	<b>24.291.691.549</b>	<b>36.616.576.193</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### **Giá trị hợp lý (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

## **8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

### **8.1 Giao dịch và số dư với bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Ông Thái Hoàng Thân	439.400.000	318.775.000
Ông Lê Chí Toàn	320.400.000	238.075.000
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	295.812.500	231.168.125
	<b>1.055.612.500</b>	<b>788.018.125</b>

Công ty không có giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Giao dịch và số dư với bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	2022 VND	2021 VND
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân		
Vay ngắn hạn	252.834.129	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	530.636.000	-
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong		
Lãi cho vay	4.228.767	31.500.000

*Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong		
Cho vay	-	1.050.000.000
Phải thu - lãi cho vay	-	459.329.454
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân		
Vay ngắn hạn	(6.063.308.410)	(5.810.474.281)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm		
Phải thu thương mại	107.732.930	107.732.930
Phải thu khác	10.425.000	10.425.000
Phải trả khác	(15.195.727)	(15.195.727)
Sở Tài Chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		
Phải trả khác	(249.800)	(249.800)

**8.2 Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng****Tiền thuê cơ sở hạ tầng**

Khoản truy thu tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đã đầu tư, Công ty đang quản lý và sử dụng nhưng không nộp tiền thuê hạ tầng từ lúc sử dụng cho đến nay.

**Tiền thuê đất phải nộp****Từ năm 2006 đến 31/12/2017**

Theo các Quyết định và Kết luận của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty phải ghi nhận chi phí và nộp tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, cụ thể:

	Từ năm 2006 đến năm 2017 VND	Đã ghi nhận vào BCTC các năm VND	Số chưa ghi nhận vào BCTC VND
Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	107.498.702.141	16.399.423.990	91.099.278.151
	3.658.061.609	-	3.658.061.609
<b>Cộng [a]</b>	<b>111.156.763.750</b>	<b>16.399.423.990</b>	<b>94.757.339.760</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng (tiếp theo)****Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2021**

Theo các Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, tiền thuê đất tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018 và năm tài chính 2021 như sau:

	Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu	Thông báo số 9774/TB-CCTKV ngày 29/12/2021 VND	Đã ghi nhận vào BCTC các năm VND	Số chưa ghi nhận vào BCTC VND	
Tiền thuê đất năm 2018	3305/160/TB-CCT ngày 27/04/2018; 8927/160/TB-CCT ngày 26/09/2018	15.015.061.246	(2.694.982.025)	2.945.618.760	9.374.460.461
Tiền thuê đất năm 2019	3590/160/TB-CCT ngày 22/04/2019; 10142/160/TB-CCT ngày 20/09/2019	21.021.085.744	(3.772.974.835)	2.945.618.760	14.302.492.149
Tiền thuê đất năm 2020	1926/152/TB-CCT ngày 24/04/2020; 8934/152/TB-CCT ngày 18/09/2020	26.306.584.390	(4.721.600.533)	2.945.618.760	18.639.365.097
Tiền thuê đất năm 2021	3288/149/TB-CCTKV ngày 26/04/2021; 6601/46/TB-CCTKV ngày 24/09/2021	26.306.584.391	(2.754.266.979)	2.945.618.760	20.606.698.652
	<b>Cộng [b]</b>	<b>88.649.315.771</b>	<b>(13.943.824.372)</b>	<b>11.782.475.040</b>	<b>62.923.016.359</b>
	<b>Tổng cộng [a] + [b]</b>	<b>199.806.079.521</b>	<b>(13.943.824.372)</b>	<b>28.181.899.030</b>	<b>157.680.356.119</b>

Theo thông báo nộp tiền thuê đất số 8506/39/TB-CCTKV ngày 19/09/2022 của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo, tiền thuê đất của lô 209 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu là 2.012.671.303 VND. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận phần tiền thuê đất này do Công ty đã bàn giao đất lại theo quyết định thi hành án số 454/QĐ-CTHADS ngày 16/07/2021 của Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ văn bản số 19121/UBND-VP ngày 16/12/2021 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc đồng ý theo kiến nghị của Thanh tra Tỉnh tại văn bản số 1961/TTr-NV2 ngày 07/12/2021 không tính tiền thuê đất phần diện tích bãi cát đối với các doanh nghiệp tại Bãi Sau (từ ngày 01/01/2018 trở về sau) do bãi cát sử dụng công cộng (không sử dụng vào mục đích kinh doanh) và văn bản số 9616/CT-HKDCN ngày 22/12/2021 của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc xử lý kiến nghị của các doanh nghiệp về tiền thuê đất từ sau ngày 01/01/2018 liên quan diện tích bãi cát tại Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu, theo đó, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo thông báo về việc điều chỉnh tiền thuê đất khu vực Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu (không bao gồm diện tích bãi cát 13.028,30 m<sup>2</sup>).

Số tiền thuê đất giảm của phần diện tích bãi cát được tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 13/07/2021 là 13.943.824.372 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 8.3 Thông tin khác

- Ngày 17/05/2022, Công ty nhận được Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 06/05/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường cho các đơn vị đang sử dụng đất tại Bãi Sau theo Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 và Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 01/04/2022 của UBND tỉnh để thực hiện Dự án chỉnh trang trục đường Thủy Vân, Thành phố Vũng Tàu.
- Căn cứ Bản án sơ thẩm số 29/2019/DSST ngày 18/09/2019 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Bản án phúc thẩm số 101/2021/DSPT ngày 16/03/2021 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 138/QĐ-SCBSBA ngày 25/11/2021 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định thi hành án số 454/QĐ-CTHADS ngày 16/06/2021 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; và Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 04/QĐ-CTHADS ngày 14/12/2021 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu buộc Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có nghĩa vụ phải tháo dỡ, di dời tài sản trên đất để trả lại phần đất tranh chấp theo đo vẽ có diện tích 7.669,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 14 (cũ 508), tờ bản đồ số 20 (cũ 04) tọa lạc tại Đường Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho bà Bùi Thị Nghi theo sơ đồ đo đạc thực tế do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 08/09/2016. Công ty đã thực hiện theo bản án, quyết định thi hành án nêu trên như sau:

- Về đất: Công ty đã tự nguyện giao trả toàn bộ diện tích 7.669,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 14 (cũ 508), tờ bản đồ số 20 (cũ 04) tọa lạc tại Đường Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho đại diện ủy quyền của bà Bùi Thị Nghi.

- Về tài sản: Công ty có xây dựng trên đất 01 (một) cổng sắt, dựng 01 (một) nhà tiền chế sử dụng làm nhà xe (diện tích khoảng 639 m<sup>2</sup> với kết cấu xà gỗ sắt, mái tôn, khung sắt chữ Y) và tường bao quanh nhà xe. Công ty thực hiện chuyển nhượng các tài sản trên đất cho bà Bùi Thị Nghi với giá trị 660.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT).

#### 3. Khoản đầu tư công ty con / công ty liên kết

Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông tại ngày 31/12/2021 với giá trị là 13.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 26,53% trên vốn điều lệ là 49.000.000.000 VND.

Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông số 02/BBHĐHCĐ.BĐ.2021 và Nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông số 02A/NQ9-ĐHĐCĐ.BĐ.2021 ngày 17/09/2021: Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông tăng vốn từ 49.000.000.000 VND lên 350.000.000.000 VND. Theo đó, vốn góp tăng thêm cho Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải góp thêm là 79.857.142.857 VND tương đương 798.571 cổ phần (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần).

Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thống nhất không tham gia góp thêm vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông. Và Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần 798.571 cổ phần với giá chuyển nhượng quyền mua là 13.000 đồng/quyền mua. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền mua là 10.381.423.000 VND.

#### 8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC**  
Người lập biểu

**NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC**  
Kế toán trưởng



**THAI HOANG THÂN**  
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2023